

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Hà Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 466/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Số 103 A, khu 11, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Số 106 A, khu 11, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Công T**, sinh năm 1978; ĐKHKTT: Số 143 A, khu 11, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Số 106 A, khu 11, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị L vắng mặt. Anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mai L, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Phạm Công T kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 2009. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm, đặc biệt là vấn đề làm ăn kinh tế, anh T còn có hành vi bạo lực với chị, cuộc sống chung giữa anh chị không có

hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T; Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm N, sinh ngày 05/11/2009 và cháu Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, trường hợp anh T muốn nuôi cháu N1 chị đồng ý để anh T nuôi cháu N1 còn chị nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung và công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Công T trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, bản thân anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhiều, anh luôn yêu thương và dành tình cảm cho vợ con, cuộc sống gia đình cũng có lúc tranh luận vấn đề làm ăn phát triển kinh tế gia đình mới xảy ra bất đồng. Việc chị L cho rằng anh có hành vi bạo lực là do xuất phát từ việc lúc vợ chồng mâu thuẫn chị L cũng có những lời nói không đúng mực nên anh có tát chị L. Bản thân anh cũng đã xin lỗi và gia đình hai bên cũng khuyên bảo nhưng chị L vẫn kiên quyết không bỏ qua. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị L, anh mong muốn có thời gian để chị L suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn nên chị L xin ly hôn, anh không đồng ý; Vợ chồng có hai con chung là Phạm N, sinh ngày 05/11/2009 và cháu Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh không đồng ý. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu N1, để chị L nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung và công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Hải N1 thể hiện cháu có nguyện vọng ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu N thể hiện cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Lời khai người thân gia đình chị L, anh T và xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị L, anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vấn đề làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra va chạm. Anh T có đánh chị L. Hai bên gia đình đã khuyên bảo anh chị nhưng vẫn không khắc phục được và chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Nay chị L xin ly hôn anh T, người thân gia đình chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo nguyện vọng của chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Người thân gia đình anh T mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung còn trường hợp chị L kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa anh Phạm Công T xác định tình cảm vợ chồng với chị L vẫn còn nên chị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong chị L suy nghĩ lại để các con lớn hơn sẽ đỡ ảnh hưởng đến tâm lý các con. Trường hợp phải ly hôn, anh xin được nuôi cháu N1, để chị L nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị Nguyễn Thị Mai L ly hôn anh Phạm Công T; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm N, sinh ngày 05/11/2009 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Hải Dương và trên cơ sở yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Chị L vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và vấn đề làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T. Lời khai người thân gia đình chị L, anh T thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không

khắc phục được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên chị L kiên quyết xin ly hôn, anh T lại không đưa ra được giải pháp để cải thiện tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị L, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm N, sinh ngày 05/11/2009 và cháu Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011. Quan điểm về nuôi con chung của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cháu Phạm N, sinh ngày 05/11/2009 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L, anh T đều có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị L, anh T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị L xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mai L ly hôn anh Phạm Công T.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm N, sinh ngày 05/11/2009; Giao cho anh Phạm Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Hải N1, sinh ngày 22/10/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003449 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị L đã Tc hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Công T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Mai L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường TB, TP Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 07/01/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan